

Số: 26/2022/QĐST-HNGĐ

Nam Định ngày 12 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên họp:
Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 73/2022/QĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022, những người tham gia tố tụng:

Người yêu cầu giải việc dân sự:

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu: Xóm 1, xã NT, huyện NT, tỉnh ND.

Hiện cư trú và lao động tại Nhật Bản

- Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm 1, xã NT, huyện NT, tỉnh ND.

Tại phiên họp: Có mặt anh Đ; chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo nội dung đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tại bản tự khai, chị Trần Thị H, anh Phạm Văn Đ đều trình bày: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NT, tỉnh ND.

Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2017 chị H đi xuất khẩu lao động

tại Nhật Bản còn anh Đ sinh sống tại Việt Nam, do khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ khi chị H đi xuất khẩu lao động. Đến nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm và chung sống cùng nhau nên thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 31/01/2007 và cháu Phạm Tuyết Nga, sinh ngày 13/01/2011. Anh chị thỏa thuận giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị Hiền có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/01 tháng/01 con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại đơn trình bày ngày 14/03/2022, cháu Phạm Thị Ánh Tuyết và Phạm Tuyết Nga có nguyện vọng được ở với bố.

* Tại phiên họp sơ thẩm: Anh Phạm Văn Đ vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về nội dung: Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Đ về việc giao cháu Phạm Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 31/01/2007 và cháu Phạm Tuyết Nga, sinh ngày 13/01/2011 cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/01 tháng/01 con.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của Đ nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H có đăng ký hộ khẩu tại Xóm 1, xã NT, huyện NT, tỉnh ND nhưng hiện đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản nên căn cứ Điều 37, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Tại phiên họp, chị Trần Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên

Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NT, tỉnh ND nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của chị H và anh Đ là tự nguyện, phù hợp với điều kiện sống hiện tại của anh chị và nguyện vọng của hai con chung nên được chấp nhận. Giao cháu Phạm Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 31/01/2007 và cháu Phạm Tuyết Nga, sinh ngày 13/01/2011 cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/01 tháng/01 con.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ nộp toàn bộ lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 149, các Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ.
2. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ về việc nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 31/01/2007 và cháu Phạm Tuyết Nga, sinh ngày 13/01/2011 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuyết và cháu Nga trưởng thành lao động tự lập được. Chị Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/01 tháng/01 con (Hai con là 3.000.000 đồng/01 tháng) kể từ tháng 7 năm 2022.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người nuôi dưỡng.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí, được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006739 ngày 14-4-2022 tại Cục

Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định. Anh Đ đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 12-7-2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- Cục THADS tỉnh NĐ;
- UBND xã NT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng